

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HS-ST

Ngày 22 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Hoan

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Đình Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2022/HSST ngày 06 tháng 5 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 27/01/2001; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản Pá Đông, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Quảng Văn Khánh (đã chết) và bà Lò Thị Kính; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/01/2022, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Anh T - Sinh ngày 09/01/2002; Địa chỉ: Bản Him Lam 1, phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 35 phút ngày 20/01/2022, tại khu vực tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đ, tổ công tác Công an phường N, thành phố Đ, làm nhiệm vụ phát hiện bị cáo Lò Văn N ngồi sau xe mô tô biển kiểm soát 27B2-108.49 do anh Lò

Hoài N điều khiển, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác yêu cầu dừng xe để kiểm tra, bị cáo ném từ lòng bàn tay phải xuống đường 01 gói nilon màu trắng và 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Theo yêu cầu, bị cáo nhặt gói nilon màu trắng bên trong có 04 viên hồng phiến là Methamphetamine có khối lượng 0,38 gam giao nộp. Bị cáo khai, khoảng 13 giờ 10 phút ngày 20/01/2022, bị cáo gọi điện cho bạn là Vũ Anh T hỏi vay 200.000 đồng, T đồng ý bảo bị cáo sang công Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lấy. Bị cáo nhờ anh Lò Hoài N chở đến công Bệnh viện thuộc tổ 10, phường N, thành phố Đ, thấy T đứng đợi ở ven đường liền bảo anh Hoài N quay xe chờ còn bị cáo đến gặp T. T nói không có tiền chỉ có hồng phiến đang để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long ở gốc cây Bàng cách đó 07m. Bị cáo ra gốc cây Bàng lấy ma Ty mục đích để sử dụng rồi ra xe đi về nhưng không nói cho anh Lò Hoài N biết, khi vừa đi được khoảng 20 m thì bị bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 229/GĐ-PC09 ngày 25/01/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Khối lượng vật chứng ký hiệu M: 0,38 gam. 01 Mẫu các viên nén màu hồng ký hiệu M gửi giám định là chất ma Ty: Loại Methamphetamine.

Tại Bản cáo trạng số: 55/CT-VKSTPĐBP ngày 05/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo **Lò Văn N** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,25 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 mảnh nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

Trả lại cho bị cáo N 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus vỏ màu bạc, số IMEI: 353327071356927 kèm sim Viettel số 0395731281.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Anh T trình bày: Ông T và bị cáo N có quen biết nhau, ngày 20/01/2022, bị cáo N có gọi điện hỏi vay tiền nhưng ông T không có cho vay, ông T không bán ma Ty cho bị cáo N, bị cáo N khai như vậy là không đúng.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 13 giờ 35 phút ngày 20/01/2022, tại tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đ, Lò Văn N có hành vi cất giấu trái phép 0,38 gam Methamphetamine trên người, mục đích để sử dụng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma Ty đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma Ty nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma Ty của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma Ty. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma Ty mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trước khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma Ty, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Đối với ông Vũ Anh T, bị cáo khai ông T là người bán ma Ty cho bị cáo, cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động điều tra nhưng không có chứng cứ chứng minh ông T bán ma Ty cho bị cáo nên không đề cập xử lý trong vụ án.

[9] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,25 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 mảnh nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, do là vật cất tàng trữ, vật không có giá trị.

Trả lại cho bị cáo N 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus vỏ màu bạc, số IMEI: 353327071356927 kèm sim Viettel số 0395731281, do bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo **Lò Văn N** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty”.

Xử phạt bị cáo **Lò Văn N** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 20/01/2022).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,25 gam Methamphetamine (là vật chứng còn lại sau giám định); 02 mảnh nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng.

Trả lại cho bị cáo N 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus vỏ màu bạc, số IMEI: 353327071356927 kèm sim Viettel số 0395731281.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/5/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2022).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Bộ phận HSNV, CA thành phố ĐBP;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.ĐBP;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng